

Số: 183/KL-TTr

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương

Thực hiện Quyết định số 261/QĐ-TTr ngày 20/6/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương, ngày 12/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2024;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Năm thành lập: 2003.

- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800283766 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 19/9/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/9/2018.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất bia.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: 05 phòng, 03 phân xưởng sản xuất.

- Điện thoại giao dịch: 2203852319 Fax: 02203859835.

- Tài khoản giao dịch: số 117999917596, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm 30/6/2024): 150 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh (theo báo cáo của doanh nghiệp):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	87.650	94.502	92.875	93.578	91.600

2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Triệu đồng	87.650	94.502	92.875	93.578	91.600
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	142.325	153.368	191.302	168.660	172.308
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	137.590	141.405	183.581	164.305	165.984
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	25.350	34.800	31.008	26.860	28.913
6	Lợi nhuận	Triệu đồng	3.633	10.531	5.618	6.006	4.507
7	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	102.000	14.015	135.000	116.897	115.000

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm 30/6/2024:

+ Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

+ Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 150 người.

+ Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 150 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 147 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 03 người.

Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (Phan Quang Minh, Nguyễn Tuấn Sơn, Nguyễn Văn Tuấn Anh, Nguyễn Như Quỳnh, Nguyễn Danh Dương), không ghi cụ thể công việc phải làm, thời giờ làm việc.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 10 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 06 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 136.970.750 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể

- Đã thực hiện đối thoại định kỳ 01 lần/năm. Trong thời kỳ thanh tra không phát sinh đối thoại theo yêu cầu hoặc khi có vụ việc.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể năm 2021. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng, không có văn bản thể hiện có trên 50% người lao động biểu quyết tán thành với nội dung dự thảo thỏa ước theo quy định.

+ Đã thực hiện các nội dung thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể.

+ Nội dung thỏa ước lao động tập thể có quy định có lợi hơn cho người lao động so với pháp luật lao động: chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm; thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỉ; hỗ trợ khó khăn, sinh con; tặng quà sinh nhật cho người lao động, tặng quà cho con của người lao động khi có thành tích cao trong học tập và nhân các dịp tết trung thu, quốc tế thiếu nhi 1/6.

+ Thỏa ước lao động tập thể đã được gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương.

- Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp năm 2024.

5. Tiền lương và thu nhập

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Doanh nghiệp áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương và định mức lao động đã được xây dựng và ban hành tại Quyết định số 16/QĐ-BHD ngày 09/01/2020.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và theo sản phẩm.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MLBQ (đồng/người/tháng)	Số lao động	MLBQ (đồng/người/tháng)
Lao động quản lý	4	13.149.750	4	14.257.750
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	56	6.307.370	40	6.375.125
Công nhân trực tiếp SXKD	82	5.697.296	82	5.669.670
Nhân viên thừa hành, phục vụ	11	5.593.909	11	5.642.417
Tổng số	153		153	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) hoặc mức phụ cấp bình quân (MPCBQ):

Các loại phụ cấp	Năm 2022		Năm 2023	
	Số người	MPCBQ (nghìn đồng/người/ tháng)	Số người	MPCBQ (nghìn đồng/người/ tháng)
Trách nhiệm	19	295	20	314
Khác.....(thâm niên)	-	-	-	-
Bình quân chung	19	295	20	314

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về quỹ tiền lương của người lao động năm 2022, 2023 tại các văn bản đề ngày 10/4/2023 và ngày 29/3/2024.

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động hằng năm:

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 20,350 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 21,686 tỷ đồng.

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 25,222 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 23,148 tỷ đồng.

+ Năm 2024: quỹ tiền lương kế hoạch là 23,495 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp áp dụng quy chế trả lương, quy chế thưởng cho người lao động đã được xây dựng và ban hành tại Quyết định số 93/QĐ-HĐQT ngày 02/11/2016.

- Việc thực hiện phân phối quỹ tiền lương theo từng năm 2022, 2023: doanh nghiệp xác định quỹ lương thực hiện năm 2022 bằng 21,68 tỷ đồng (tương ứng mức lương bình quân 11,81 triệu đồng/người/tháng); quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 bằng 23,14 tỷ đồng (tương ứng mức lương bình quân 12,6 triệu đồng/người/tháng).

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Đã trả lương những ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: không phát sinh do người lao động thôi việc đã nghỉ hết số ngày nghỉ phép hằng năm.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: tháng 6/2024, doanh nghiệp có 15 trường hợp ngừng việc tại xưởng thành phẩm do lỗi của người sử dụng lao động, được doanh nghiệp trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: có 02 người lao động bị khấu trừ tiền lương để bồi thường thiệt hại về tài sản với mức bồi thường bằng 50% giá trị thiệt hại với tổng số tiền là 12.238.700 đồng.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn ca cho toàn bộ người lao động thông qua suất ăn trị giá 25.000 đồng/người/ca làm việc, bằng hình thức chuyển khoản cùng với tiền lương hàng tháng cho người lao động.

- Các khoản phụ cấp khác: phụ cấp trách nhiệm.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Năm 2023		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	Triệu đồng/ người/tháng	10,13	5,99	4,21	10,13	6,16	4,21
2	Phụ cấp	Triệu đồng/ người/tháng	0,47	0,29	0,04	0,46	0,31	0,03
3	Tiền thưởng	Triệu đồng/ người/tháng	14,12	5,57	3,68	16,55	6,80	5,45
4	Thu nhập khác	Triệu đồng/ người/tháng	1,71	1,29	0,88	0,60	0,59	0,54
5	Tổng thu nhập	Triệu đồng/ người/tháng	26,08	13,57	10,17	27,42	14,83	10,67

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Số lượng người quản lý chuyên trách: 04 người (Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng,).

- Số lượng người quản lý không chuyên trách: 05 người (Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 thành viên Hội đồng quản trị, 01 Trưởng ban kiểm soát, 02 Kiểm soát viên).

- Người đại diện vốn đã tổng hợp và xin ý kiến đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương của người quản lý năm 2022, 2023 tại văn bản đề ngày 29/3/2024 và 10/4/2023.

- Đã xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,465 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 1,758 tỷ đồng; quỹ thù lao kế hoạch là 0,528 tỷ đồng; quỹ thù lao thực hiện là 0,576 tỷ đồng.

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,464 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 1,464 tỷ đồng; quỹ thù lao kế hoạch là 0,510 tỷ đồng; quỹ thù lao thực hiện là 0,519 tỷ đồng.

- Phân phối tiền lương thực hiện đối với người quản lý:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của 04 người quản lý chuyên trách của doanh nghiệp được Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội chấp thuận bằng 1,758 tỷ đồng (tương ứng với mức lương bình quân là 36,6 triệu đồng/người/tháng). Thực tế doanh nghiệp chi 2,152 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của 04 người quản lý chuyên trách của doanh nghiệp được Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội chấp thuận bằng 1,464 tỷ đồng (tương ứng với mức lương bình quân là 30,5 triệu đồng/người/tháng). Thực tế doanh nghiệp chi 2,07 tỷ đồng.

- Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách như sau:

Stt	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch công ty	9,6	9,6
2	Thành viên HĐQT	7,2	7,2
3	Trưởng ban kiểm soát	6,0	6,0
4	Kiểm soát viên	3,6	3,6
5	Kiểm soát viên	3,6	3,6

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý: doanh nghiệp trích lập quỹ tiền thưởng của người quản lý chuyên trách bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện; năm 2023, doanh nghiệp không trích thưởng cho Ban Quản lý điều hành.

- Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý.

- Phân phối tiền thưởng năm 2022 cụ thể đối với từng chức danh tại Quyết định số 114/QĐ-BHD ngày 29/6/2023.

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: không.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã tổng hợp phương án dự kiến của doanh nghiệp về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước, quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng kế hoạch của người lao động và người quản lý doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

- Đã đề xuất và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp hằng năm sau khi Hội đồng quản trị thông qua.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày chủ nhật); 03 ca đối với khối sản xuất (nghỉ 01 ngày trong tuần).

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường; 14 ngày đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đang sử dụng nội quy lao động được xây dựng và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương năm 2021.

- Số vụ xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: 02 vụ, hồ sơ xử lý bồi thường thiệt hại không có bản tường trình của người lao động.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 70 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc.

+ Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Đã thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động, mức 50.000 đồng/cháu/tháng.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở: không phát sinh.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.
- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên, chưa ban hành quy chế hoạt động, chưa trả phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên.
- Đã bố trí 06 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; 01 người làm công tác y tế.
- Đang sử dụng 68 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (53 bình chịu áp lực, 03 nồi hơi, 06 xe nâng hàng, 02 đường ống dẫn khí đốt, 01 đường ống dẫn khí nén, 01 đường ống dẫn hơi, 02 hệ thống lạnh) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đạt yêu cầu.
- Đã xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động và người sử dụng lao động theo quy định. Số theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện thiếu thông tin năm sinh, công việc, kết quả huấn luyện. Thẻ an toàn lao động không có chữ ký, đóng dấu của người cấp thẻ.
- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.
- Việc tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại: không phát sinh.
- Số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.
- Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động theo quy định, không có mẫu đo không đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động.
- Sử dụng 32 lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không sử dụng lao động làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ (thiếu mặt nạ phòng độc).
- Đã tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Thỏa ước lao động có thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động so với pháp luật lao động.

1.9. Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.11. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

1.12. Đã trả tiền lương ngừng việc, đã thực hiện khấu trừ lương của người lao động theo quy định.

1.13. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 25.000 đồng/người/ca làm việc.

1.14. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.15. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.16. Đã thực hiện các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.17. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.18. Không có trường hợp phải bồi thường trách nhiệm vật chất; không phát sinh việc phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.19. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ và bình đẳng giới.

1.20. Không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.21. Đã xây dựng và ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

1.22. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên, chưa ban hành quy chế hoạt động.

1.23. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và người làm công tác y tế theo quy định.

1.24. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.25. Đã xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.26. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động và người sử dụng lao động.

1.27. Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.28. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.29. Đã tổ chức khám sức khỏe cho toàn bộ người lao động theo quy định.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động không ghi cụ thể công việc phải làm, thời giờ làm việc là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng, không có văn bản thể hiện có trên 50% người lao động biểu quyết tán thành với nội dung dự thảo thỏa ước là không đúng quy định tại Điều 70, Điều 76 Bộ luật Lao động.

2.3. Chi vượt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022, năm 2023 đối với người quản lý là không đúng quy định tại Điều 15 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.4. Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.5. Hồ sơ xử lý bồi thường thiệt hại không có bản tường trình của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.6. Chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động; chưa thống nhất thỏa thuận với Ban chấp hành công đoàn cơ sở về mức phụ cấp trách nhiệm để trả cho an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.7. Thẻ an toàn lao động không có chữ ký, đóng dấu của người cấp thẻ theo mẫu 06, sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện thiếu thông tin năm sinh, công việc, kết quả huấn luyện theo mẫu 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.8. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.9. Chưa trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.2, 2.3, 2.5, 2.8 khi phát sinh.

- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/9/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp